TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/KDTM-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thắng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2025/TLST-KDTM ngày 25/7/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 56/2025/QĐST-KDTM ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M); địa chỉ: Khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). *Người diện theo pháp luật*: Ông H, C-P – Chức vụ: Giám đốc. *Người đại diện hợp pháp*: Ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: K, Quốc lộ A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền ("Giấy ủy quyền" ngày 17/6/2025).

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (Công ty C1); địa chỉ: Lô A (khu A) đường D Khu công nghiệp R, khu phố R, phường A, Thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Lô A (khu A) đường D Khu công nghiệp R, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Yuan A – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện nguyên đơn Công ty M ông Vương Đức T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2025, quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty M và đại diện nguyên đơn ông Vương Đức T trình bày***:

Vào tháng 09/2024 và tháng 10/2024 Công ty M có bán cho Công ty C1 hàng hóa là gỗ Thông xẻ các loại, việc mua bán không lập hợp đồng thành văn bản mà chỉ nói miệng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng, với số lượng hàng hóa là 150.909 m^3 có tổng giá trị là 1.147.042.512 đồng (đã bao gồm VAT). Cụ thể các lần giao hàng và xuất hóa đơn như sau:

- Tháng 09/2024, Công ty M giao số lượng 80.553 m^3 gỗ Thông xẻ theo Phiếu xuất kho các ngày 04/9/2024 (02 phiếu) và ngày 18/9/2024; xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000461 ngày 26/9/2024 với số tiền 608.980.680 đồng;

- Tháng 10/2024, Công ty M giao số lượng 70.356 m^3 gỗ Thông xẻ theo Phiếu xuất kho các ngày 02/10/2024 ngày 18/10/2024 và ngày 19/10/2024; xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000515 ngày 29/10/2024 với số tiền 538.061.832 đồng.

Hai bên thỏa thuận, thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và Công ty M đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng theo quy định nhưng cho đến nay phía Công ty C1 vẫn chưa thanh toán đủ số tiền mua hàng trên. Đối với số tiền mua hàng còn nợ chưa thanh toán, Công ty M đã rất nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu phía Công ty C1 thực hiện việc thanh toán nhưng cho đến vẫn chưa thanh toán số tiền mua hàng trên. Việc Công ty C1 cố tình chây ỳ và không thanh toán số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng và gây ra cho Công ty M rất nhiều khó khăn và thiệt hại nghiêm trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2025, Công ty M khởi kiện Công ty C1 với các yêu cầu: Buộc Công ty C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty M một lần tổng số tiền là: 1.211.276.892 đồng, trong đó bao gồm: Tiền mua hàng còn nợ là: 1.147.042.512 đồng; tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 tới ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 30/6/2025) với lãi suất 0,8%/tháng là: 64.234.380 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình khởi kiện thì vào ngày 25/6/2025, Công ty C1 có thanh toán được số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng của hóa đơn giá trị gia tăng số 00000461 ngày 26/9/2024, số tiền còn nợ lại 408.980.680 đồng.

Do vậy, nay Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C1 thanh toán cho Công ty M số tiền nợ gốc còn lại là: 947.042.512 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày 22/9/2025 là 73.743.042 đồng

(947.042.512 đồng x 0,8%/tháng x 09 tháng 22 ngày), tổng cộng là 1.020.785.554 đồng theo quy định tại Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

- *Chứng cứ nguyên đơn Công ty M cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 20/6/2025 của Công ty M (bản gốc); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty M (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 17/6/2025 và CCCD của ông Vương Đức T (bản sao); Phiếu xuất kho các ngày 04/9/2024 (02 phiếu), ngày 18/9/2024, ngày 02/10/2024 ngày 18/10/2024 và ngày 19/10/2024 (bản sao); Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/9/2024 và ngày 29/10/2024 (bản sao); Văn bản thông báo việc khởi kiện và phiếu vân đơn giao tài liệu chứng cứ (bản sao); Bản tự khai ngày 08/8/2025 của ông T1 (bản gốc); Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 15/8/2025 (bản gốc); Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử ngày 18/8/2025 của ông T1 (bản gốc); Báo cáo tài chính của Công ty M (bản gốc); Văn bản trình bày ý kiến ngày 15/9/2025 của ông T1 (bản gốc); Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/9/2025 của ông T1 (bản gốc).

**** Bị đơn Công ty C1***:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và chứng cứ nguyên đơn Công ty M cung cấp bằng việc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật cho bị đơn Công ty C1, nhưng phía bị đơn Công ty C1 không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:***

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng mua bán hành hóa".

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Công ty M ông T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty Mau Son ông T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, Công ty M yêu cầu Tòa án buộc Công ty C1 thanh toán cho Công ty M tổng số tiền là 1.020.785.554 đồng, trong đó nợ gốc còn lại là 947.042.512 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2025) là 73.743.042 đồng (947.042.512 đồng x 0,8%/tháng x 09 tháng 22 ngày).

Xét thấy, bị đơn Công ty C1 có trụ sở tại Lô A (khu A) đường D Khu công nghiệp R, khu phố R, phường A, Thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 30, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng mua bán". Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Đối với yêu cầu thành toán số tiền nợ gốc*:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty C1 có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc của việc mua bán hàng hóa còn nợ là 947.042.512 đồng theo Phiếu xuất kho các ngày 04/9/2024 (02 phiếu) và ngày 18/9/2024 cùng Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000461 ngày 26/9/2024 với số tiền 408.980.680 đồng (đã trừ số tiền 200.000.000 đồng thanh toán vào ngày 25/6/2025) và Phiếu xuất kho các ngày 02/10/2024 ngày 18/10/2024 và ngày 19/10/2024 cùng Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000515 ngày 29/10/2024 với số tiền 538.061.832 đồng.

Quá trình tố tụng, Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Thông báo số 03/TB-TA ngày 28/7/2025 về việc yêu cầu Công ty C1 có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M và cung cấp chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình nhưng phía bị đơn Công ty C1 vẫn không cung cấp ý kiến và chứng cứ chứng minh theo quy định. Do đó, bị đơn Công ty C1 được xem như từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn Công ty M cung cấp và theo quy định tại các Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định các Điều 50, 55 của Luật thương mại, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bị đơn Công ty C1 đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 947.042.512

đồng nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] *Đối với yêu cầu thành toán số tiền nợ gốc*:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty C1 thanh toán cho nguyên đơn Công ty M tổng số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2025) là 73.743.042 đồng (947.042.512 đồng x 0,8%/tháng x 09 tháng 22 ngày).

Theo quy định tại các Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định các Điều 50, 55 của Luật thương mại và theo thỏa thuận thì bị đơn Công ty C1 phải thanh toán tiền hàng là 30 ngày kể từ ngày phía nguyên đơn Công ty M xuất hóa đơn giá trị gia tăng (ngày 01/12/2024). Do đó, nguyên đơn Công ty M yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2025) là phù hợp.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp bị đơn Công ty C1 chậm thanh toán tiền hàng thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán và mức lãi suất sẽ được xác định dựa trên mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của các ngân hàng thương mại tại địa phương vào thời điểm xét xử (A1, V, V1: 20/%/năm; tương đương 1.66%/tháng). Nguyên đơn Công ty M yêu cầu bị đơn Công ty C1 trả lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2025) là 73.743.042 đồng (947.042.512 đồng x 0,8%/tháng x 09 tháng 22 ngày) là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, nội dung giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty C1 phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ các Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 50, 55, 306 của Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (Công ty C1) về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (Công ty C1) có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) tổng số tiền là 1.020.785.554 đồng (*một tỷ không trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc là 947.042.512 đồng (*chín trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm mười hai đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2025) là 73.743.042 đồng (*bảy mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bốn mươi hai đồng*).

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí, quyền kháng cáo:

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (Công ty C1) phải chịu toàn bộ số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.623.566 đồng (*bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng*).

2.2. Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Công ty M) toàn bộ số tiền 24.170.000 đồng (*hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004868 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND KV18 - TP.HCM;
- Phòng THADS KV18 - TP.HCM;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ, VT.

Phạm Minh Đồng